

### 1.27 Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng.
2	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
3	SoId	String (15 ký tự)	x	Số ID của Người đại diện hợp pháp. Ưu tiên điền số CCCD.
4	LoaiId	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.
5	HoTenNguoiDaiDiep	String (150 ký tự)	x	Điền Họ và tên của Người đại diện hợp pháp theo giấy tờ của loại ID.
6	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của Người đại diện hợp pháp theo định dạng dd/mm/yyyy.
7	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch của Người đại diện hợp pháp.
8	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo Giấy tờ đăng ký kinh doanh.
9	loaiHinhKinhDoanh	String (150 ký tự)	x	Điền loại hình kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
10	MaSoThue	String (13 ký tự)		<p>Điền một trong số các giá trị sau: 1,2:</p> <p>1- Mã định danh tổ chức-XXXXXX</p> <p>2- Mã số thuế-XXXXXX</p> <p>Điền dạng số viết liền có ký tự 10 hoặc 13 chữ số.</p> <p>Là ký tự số từ 0 đến 9.</p>
11	DienThoai	String (15 ký tự)	x	<p>Điền số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking (mở và sử dụng tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ)</p> <p>Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền.</p>
12	DiaChi	String (300 ký tự)	x	Điền địa chỉ của ĐVCNTT.
13	DiaChiMac	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán.
14	SoImei	String (36 ký tự)		Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking.
15	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
16	TenChuTaiKhoan	String (150 ký tự)	x	Điền tên chủ tài khoản của doanh nghiệp/hộ kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh/tên chủ hộ kinh doanh.
17	NganHangMoTk	String (150 ký tự)	x	Điền tên ngân hàng mở tài khoản.
18	LoaiTaiKhoan	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như sau: 1. Tài khoản tổ chức (VNĐ); 2. Tài khoản tổ chức (Ngoại tệ); 3. Tài khoản cá nhân (VNĐ); 4. Tài khoản cá nhân (Ngoại tệ).
19	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.
20	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)		Điền ngày mở tài khoản theo định dạng dd/mm/yyyy.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại

2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-api
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.28 Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng.
2	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo Giấy tờ đăng ký kinh doanh.
3	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
4	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền.
5	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.
6	NghiNgo	Integer	x	Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận. 1 – (i) Thông tin trong hồ sơ, giấy tờ của ĐVCNTT không trùng khớp với thông tin của ĐVCNTT đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/dân cư. (ii) Nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ cung cấp cho tổ chức

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>cung ứng dịch vụ thanh toán khi ký kết hợp đồng hợp tác.</p> <p>2 – ĐVCNTT nằm trong danh sách vi phạm về trốn thuế, lừa đảo, kinh doanh ngành nghề không đúng ngành nghề đăng ký.</p> <p>3 – Có cơ sở nghi ngờ thực hiện giao dịch thanh toán không (không phát sinh mua, bán hàng hóa, dịch vụ).</p> <p>4 – Số lượng, giá trị, tần suất giao dịch thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết về loại hình kinh doanh của ĐVCNTT.</p> <p>5 – TKTT của ĐVCNTT nhận tiền có nội dung lệnh chuyển tiền chứa các ký tự, thuật ngữ như: chuyển tiền cho Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Thanh tra, giao thông, chuyển tiền phục vụ công tác điều tra, ...</p> <p>6 – Mã định danh của thiết bị di động (device ID), địa chỉ IP được sử dụng để cài đặt ứng dụng ngân hàng (Mobile Banking App) hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán bị thay đổi.</p> <p>7 – ĐVCNTT thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				(footnote) đối với thông tin này.
7	GhiChu	String (500 ký tự)		Nội dung ghi chú

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
- <b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.29 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật ĐVCNTT nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng.
2	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo Giấy tờ đăng ký kinh doanh.
3	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
4	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền.
5	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.
6	NghiNgo	Integer	x	Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận. 1 – (i) Thông tin trong hồ sơ, giấy tờ của ĐVCNTT không trùng khớp với thông tin của ĐVCNTT đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/dân cư. (ii) Nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ cung cấp cho tổ chức



TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>cung ứng dịch vụ thanh toán khi ký kết hợp đồng hợp tác.</p> <p>2 – ĐVCNTT nằm trong danh sách vi phạm về trốn thuế, lừa đảo, kinh doanh ngành nghề không đúng ngành nghề đăng ký.</p> <p>3 – Có cơ sở nghi ngờ thực hiện giao dịch thanh toán không (không phát sinh mua, bán hàng hóa, dịch vụ).</p> <p>4 – Số lượng, giá trị, tần suất giao dịch thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết về loại hình kinh doanh của ĐVCNTT.</p> <p>5 – TKTT của ĐVCNTT nhận tiền có nội dung lệnh chuyển tiền chứa các ký tự, thuật ngữ như: chuyển tiền cho Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Thanh tra, giao thông, chuyển tiền phục vụ công tác điều tra, ...</p> <p>6 – Mã định danh của thiết bị di động (device ID), địa chỉ IP được sử dụng để cài đặt ứng dụng ngân hàng (Mobile Banking App) hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán bị thay đổi.</p> <p>7 – ĐVCNTT thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				(footnote) đối với thông tin này.
7	LyDoCapNhat	String (150 ký tự)		Lý do cập nhật
8	GhiChu	String (500 ký tự)		Nội dung ghi chú

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cau-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cau-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-nngl-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
- <b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)
Response Body	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.30 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật ĐVCNTT doanh nghiệp/hộ kinh doanh

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng.
2	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
3	SoId	String (15 ký tự)	x	Số ID của Người đại diện hợp pháp. Ưu tiên điền số CCCD.
4	LoaiId	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.
5	HoTenNguoiDaiDie n	String (150 ký tự)	x	Điền Họ và tên của Người đại diện hợp pháp theo giấy tờ của loại ID.
6	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của Người đại diện hợp pháp theo định dạng dd/mm/yyyy.
7	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch của Người đại diện hợp pháp.
8	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo Giấy tờ đăng ký kinh doanh.
9	loaiHinhKinhDoanh	String (150 ký tự)	x	Điền loại hình kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
10	MaSoThue	String (13 ký tự)		<p>Điền một trong số các giá trị sau: 1,2:</p> <p>1- Mã định danh tổ chức-XXXXXX</p> <p>2- Mã số thuế-XXXXXX</p> <p>Điền dạng số viết liền có ký tự 10 hoặc 13 chữ số.</p> <p>Là ký tự số từ 0 đến 9.</p>
11	DienThoai	String (15 ký tự)	x	<p>Điền số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking (mở và sử dụng tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ)</p> <p>Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền.</p>
12	DiaChi	String (300 ký tự)	x	Điền địa chỉ của ĐVCNTT.
13	DiaChiMac	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán.
14	SoImei	String (36 ký tự)		Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking.
15	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
16	TenChuTaiKhoan	String (150 ký tự)	x	Điền tên chủ tài khoản của doanh nghiệp/hộ kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh/tên chủ hộ kinh doanh.
17	NganHangMoTk	String (150 ký tự)	x	Điền tên ngân hàng mở tài khoản.
18	LoaiTaiKhoan	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như sau: 1. Tài khoản tổ chức (VNĐ); 2. Tài khoản tổ chức (Ngoại tệ); 3. Tài khoản cá nhân (VNĐ); 4. Tài khoản cá nhân (Ngoại tệ).
19	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.
20	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)		Điền ngày mở tài khoản theo định dạng dd/mm/yyyy.
21	GhiChu			

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công

			Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-api
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên